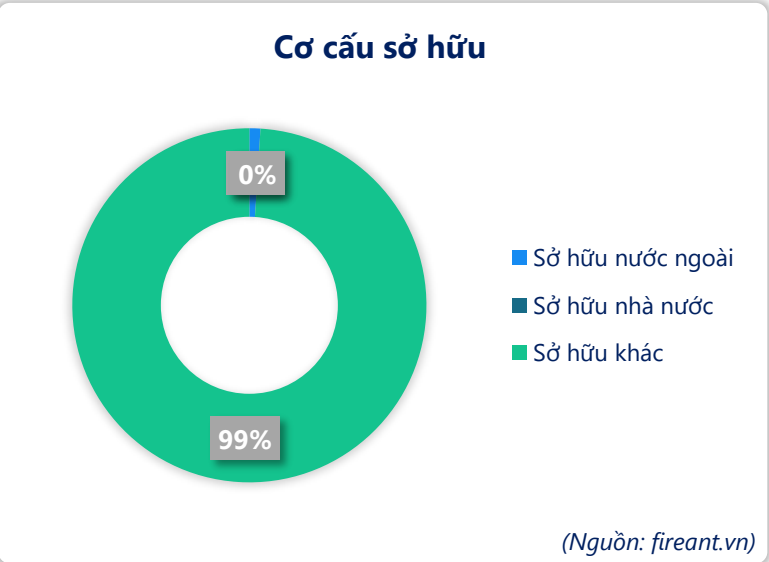
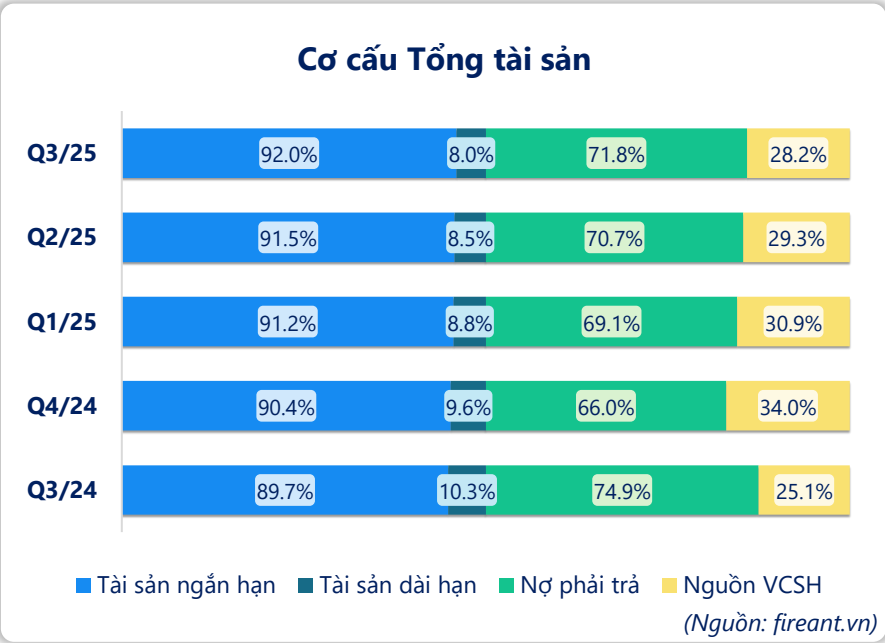
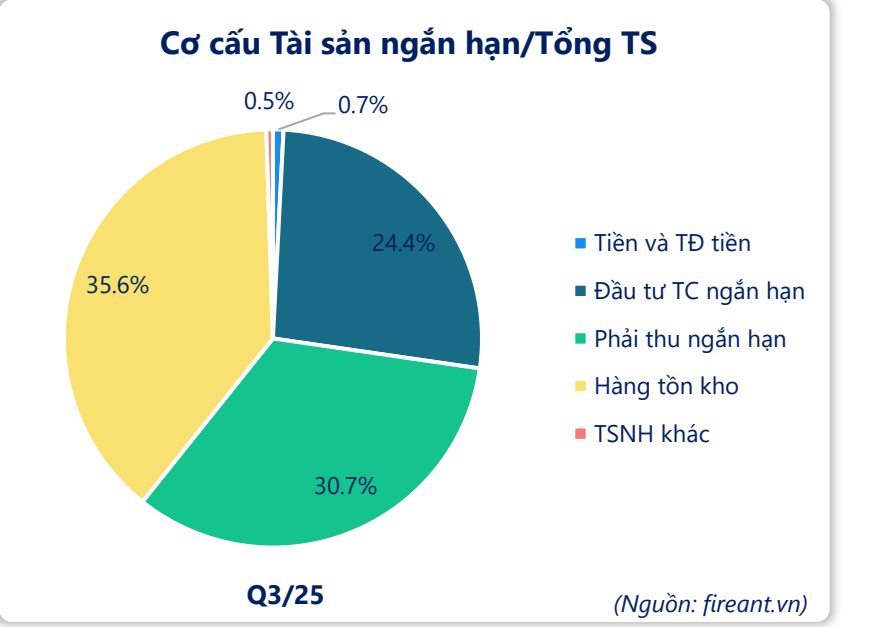
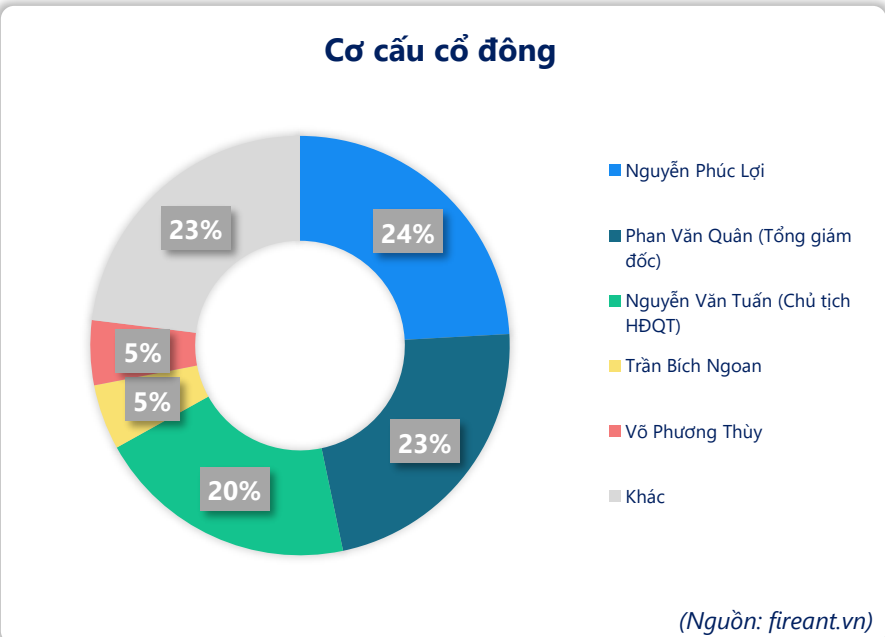
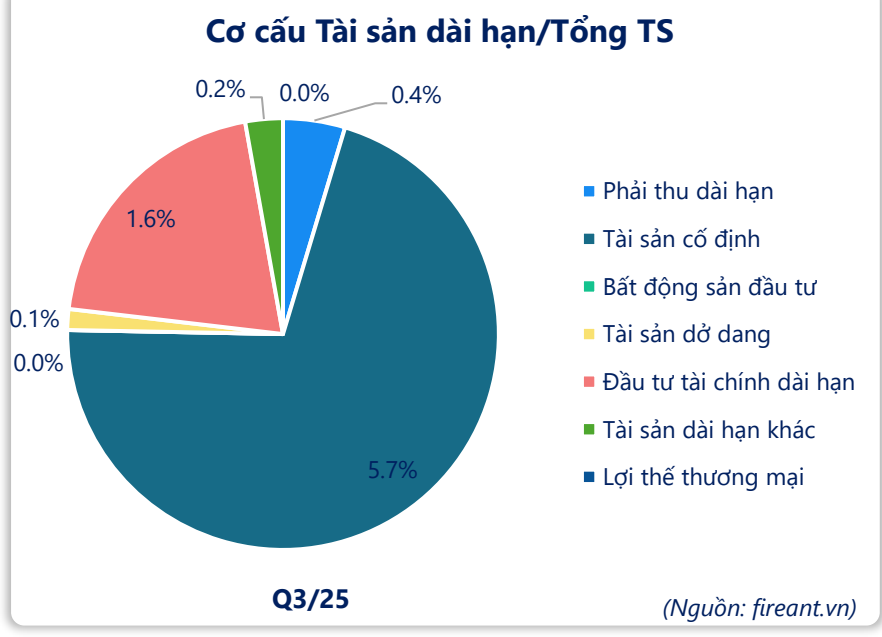
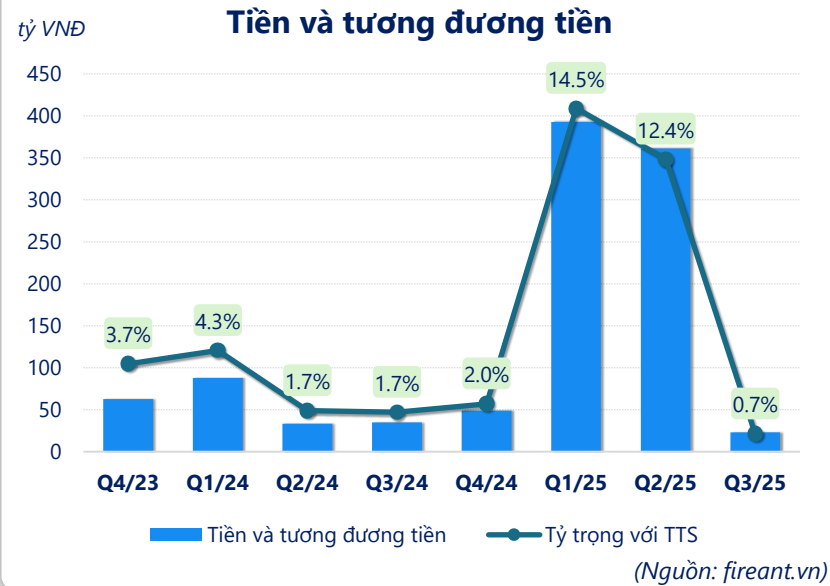
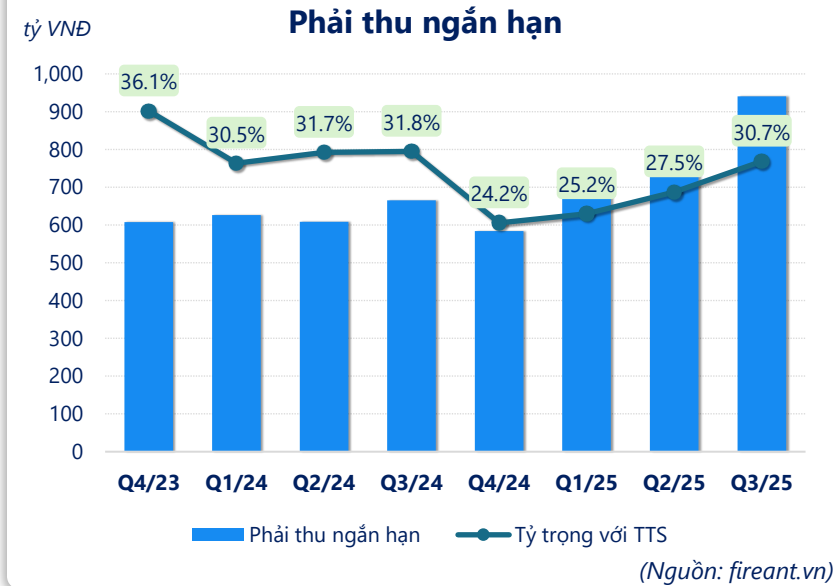
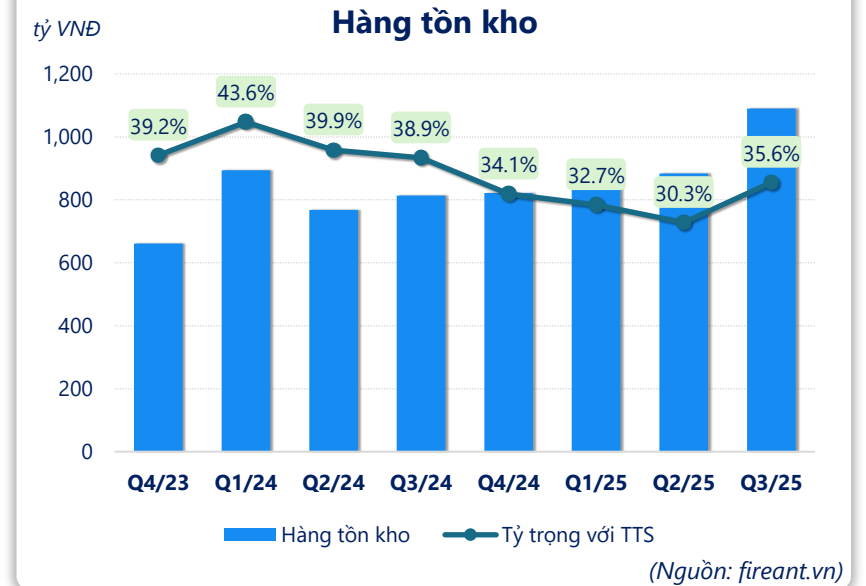
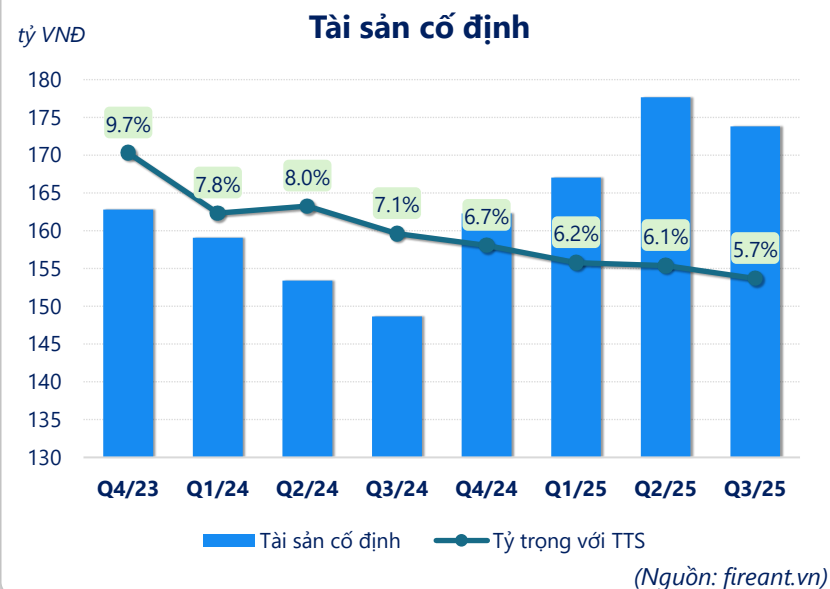
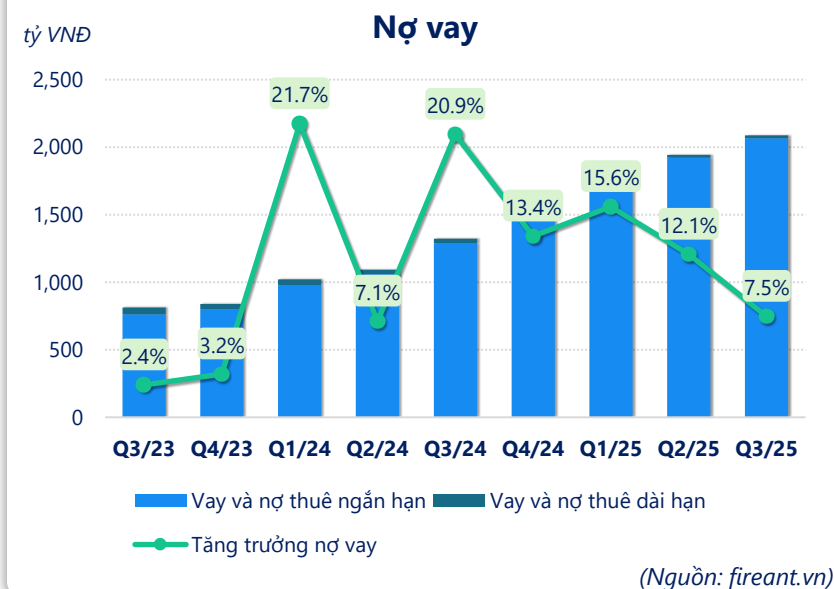
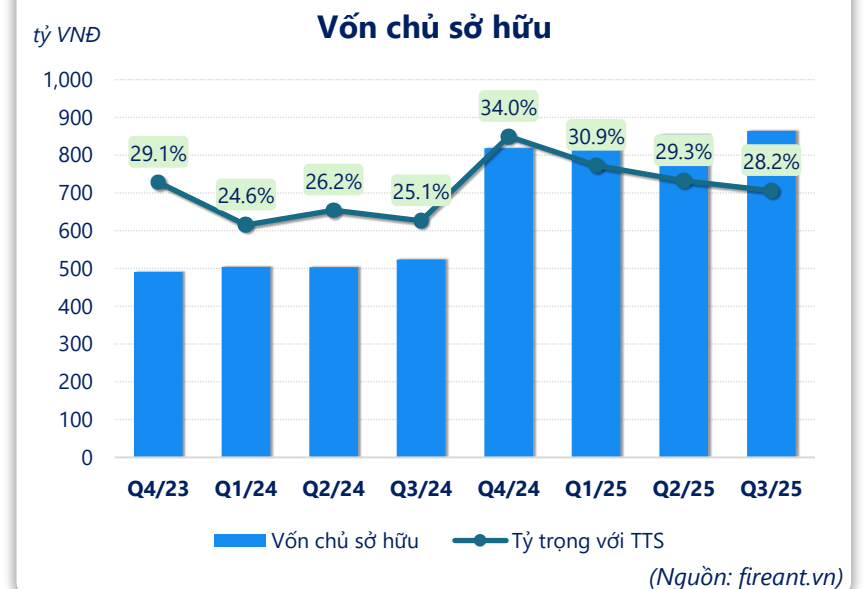
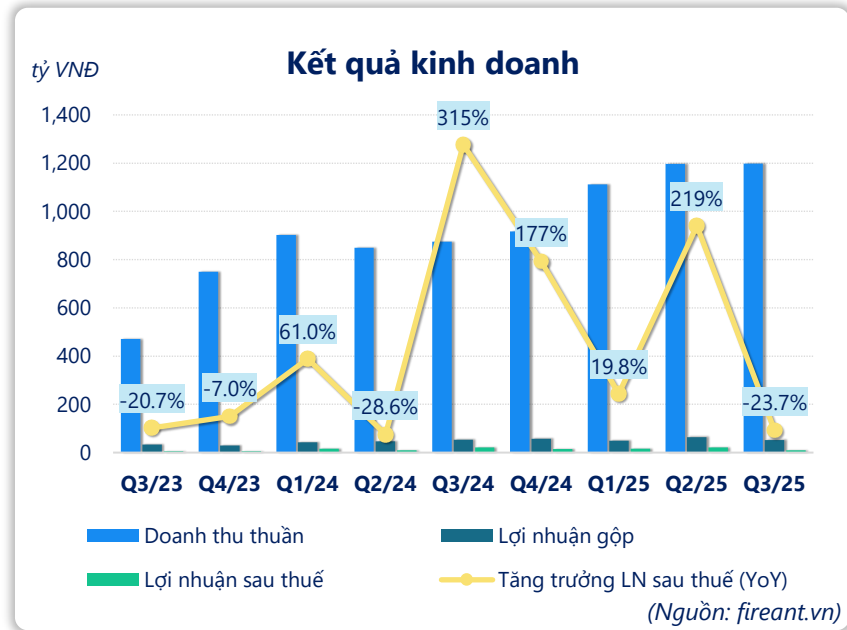
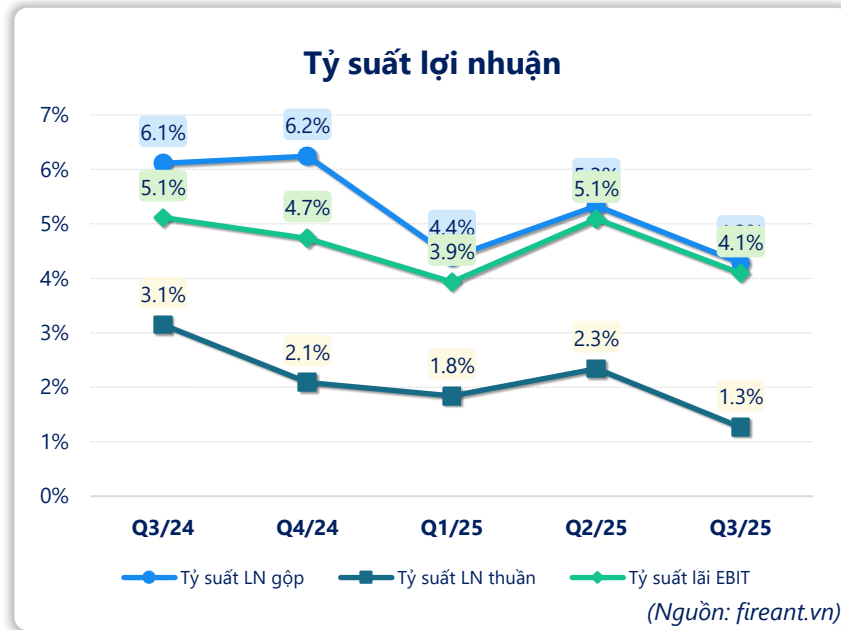
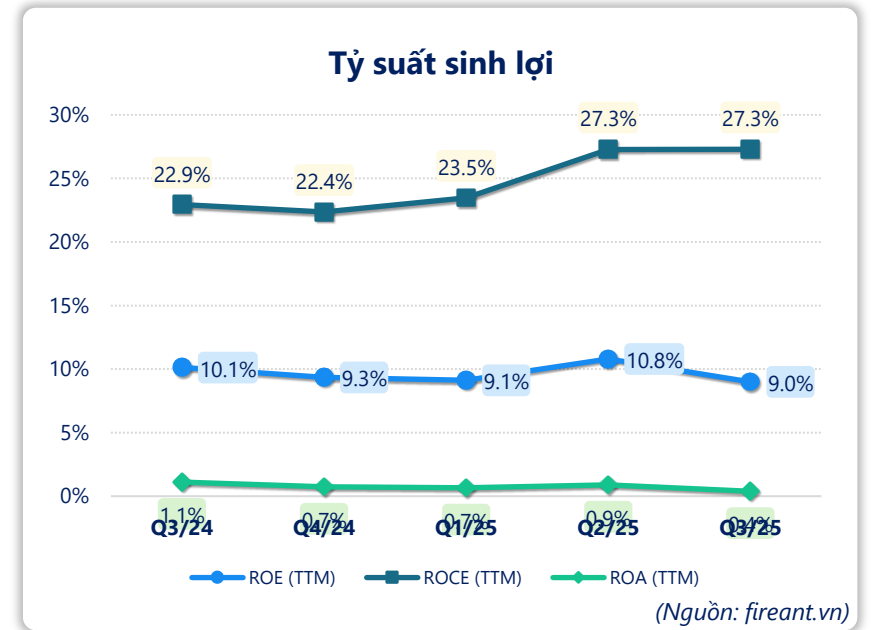
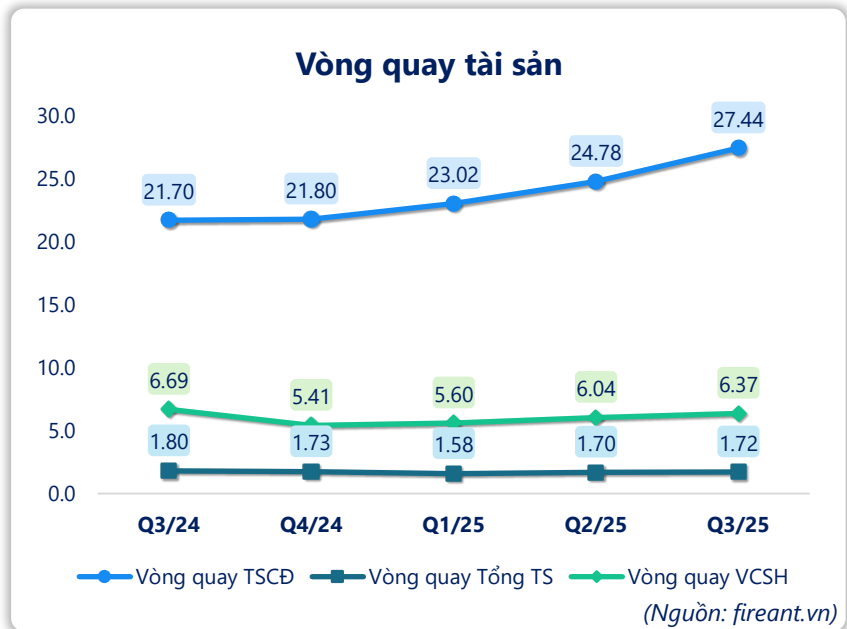
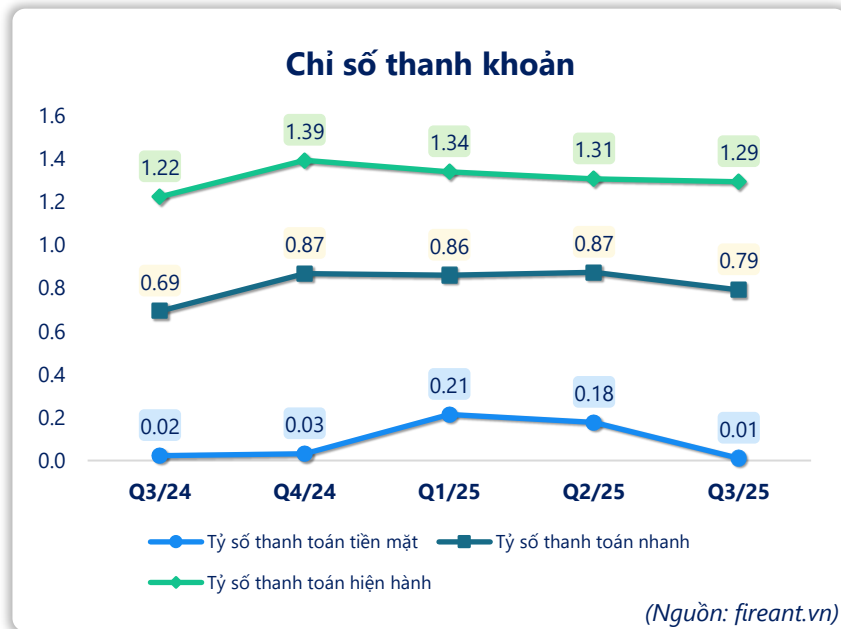
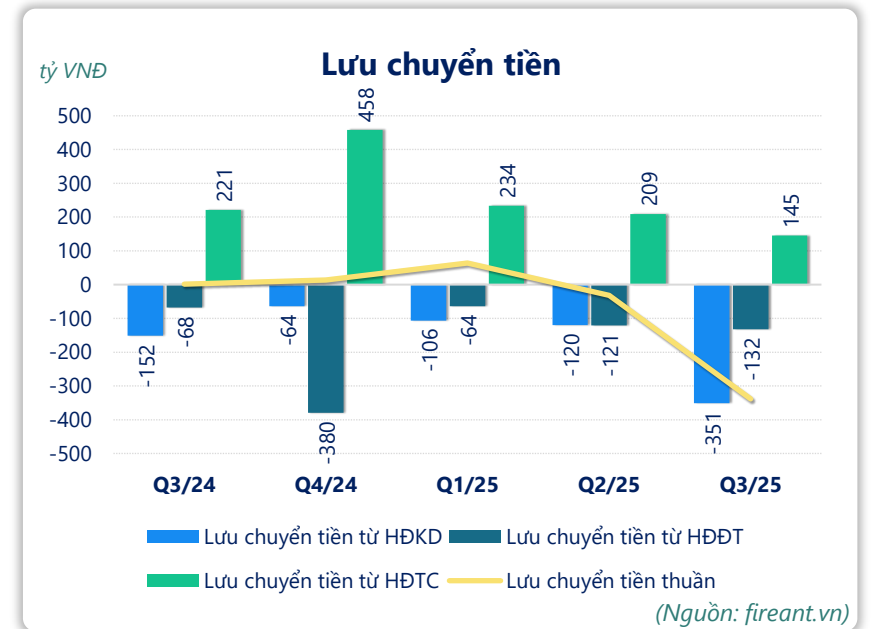


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,300
SL cổ phiếu LH		76,159,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,786,200
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,417
P/E		22.7
EPS		820

	YTD	1T	3T	6T
VTZ	5.7%	-0.5%	12.0%	3.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,059	2,411	26.9%
Tài sản ngắn hạn	2,813	2,180	29.0%
Tiền và tương đương tiền	22.9	329	-93.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	745	437	70.4%
Phải thu ngắn hạn	941	583	61.2%
Hàng tồn kho	1,090	824	32.4%
Tài sản ngắn hạn khác	14.2	7.25	96.6%
Tài sản dài hạn	246	230	6.9%
Phải thu dài hạn	11.4	9.83	16.4%
Tài sản cố định	174	162	7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.84	2.87	33.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	50.0	50.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.92	5.18	33.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,195	1,594	37.7%
Nợ ngắn hạn	2,174	1,566	38.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,066	1,472	40.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.3	67.7	23.1%
Nợ dài hạn	21.0	27.5	-23.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	27.3	-23.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	864	817	5.8%
Vốn chủ sở hữu	864	817	5.8%
Vốn điều lệ	762	762	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	875	917	1,112	1,197	1,198
Giá vốn hàng bán	821	860	1,064	1,133	1,146
Lợi nhuận gộp	53.5	57.2	48.8	63.8	51.3
Doanh thu HĐTC	4.09	3.58	7.35	10.3	10.6
Chi phí TC	20.7	28.7	24.4	34.1	35.8
Chi phí lãi vay	17.8	24.4	23.4	31.9	34.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.31	8.42	6.54	7.69	6.09
Chi phí QLDN	4.00	4.50	4.67	4.32	4.86
LN thuần từ HĐKD	27.5	19.1	20.5	28.1	15.1
Lợi nhuận khác	-0.61	-0.13	-0.16	1.04	-0.79
LN trước thuế	26.9	19.0	20.3	29.1	14.4
Lợi nhuận sau thuế	20.9	15.0	15.6	21.8	10.0
LNST của CĐ cty mẹ	20.8	15.0	15.8	21.6	10.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-152	-64.2	-106	-120	-351
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-68.2	-380	-63.7	-121	-132
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	221	458	234	209	145
Tiền đầu kỳ	33.4	34.9	329	393	361
Lưu chuyển tiền thuần	1.49	13.9	63.9	-31.4	-338
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	34.9	48.8	393	361	22.9

(Nguồn: fireant.vn)